

chi tho

THE TRAVELERS AID SOCIETY OF WASHINGTON, D.C. INC.
1015 - 12th Street, N.W.
Washington, D.C. 20005
Telephone 347-0101
Member of American Council for Nationalities Service

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

DATE DECEMBER 22, 1988

Your Name: Mr/Mrs/Miss NGO BUT Phone (Home)
(Last) (Middle) (First) (Work)

Your Address: _____

Date of Birth: 02/23/34 Place of Birth HUE, VIETNAM

Alien Number A27343700 or Naturalization Certificate
No. _____

Legal Status: Refugee ___ Parolee ___ Permanent Resident ✓
U.S. Citizen _____

THE FOLLOWING PERSONS LIVING IN VIET NAM WHO ARE KNOWN TO ME,
MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S. AS A FORMER U.S. GOVERNMENT
EMPLOYEE, CLOSE ASSOCIATE TO THE U.S., OR AMERASIAN.

NAME OF PRINCIPAL EMIGRANT	DATE/PLACE OF BIRTH	RELATION	ADDRESS IN VIET NAM
HUYNH DIEN	8/5/43	FRIEND	23 P. CUA XA VINH HOI
	THUA THIEN		BEN VAN DON, QUAN 4
			TP. HO CHI MINH

Number of close relatives accompanying Principal Emigrant: _____

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANING RELATIVES	DATE/PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
TRAN THI TRINH	11/20/46 THUA THIEN	WIFE
HUYNH THI NGOC DUNG	3/29/71 SAIGON	DAUGHTER
HUYNH THI NGOC HANH	3/29/71 SAIGON	DAUGHTER
HUYNH TRAN MY DUNG	12/1/72 SAIGON	DAUGHTER

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION
(of Emigrant)

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE

U.S. Government Agency _____ Last Title/Grade _____

Name/Position of Supervisor _____/_____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation _____

Last Title/Grade _____ Name/Position of Supervisor _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (Prior to 1975):

Ministry or Military Unit POLICE Last Title/Grade MAJOR
JS&

Name/Position of Supervisor LT COLONEL NHO V. LE, CHIEF POLICE

Was time spent in re-education camp? Yes ☒ No ☐ How long _____
Years 12 Month 8 (FROM 6/15/75 TO 2/13/88)

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP

School _____ Location _____

Type of Degree or Certificate _____

Dates of Employment or Training _____ To _____
Month/Year Month/Year

ASIAN-AMERICANS: Single _____ Married _____ Male _____ Female _____

Full name of Mother _____ Her age _____

Address: _____

Full name of the U.S. Citizen Father (if known) _____

Address _____

I Swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Signature [Signature] Date 12/22/88

SUBSCRIBED AND SWORN BEFORE ME THIS 22nd day of December, 1988
(Date)

Signature of Notary Public [Signature]

My Commission expires July 1st, 1991

QUESTIONNAIRE FOR EX POLITICAL PRISONER IN VIET. NAM

Date 10.10.1988

I Basic information on applicant in Viet-Nam

- 1) Full name of ex-political prisoner : Huynh-Dien
- 2) other name : ϕ
- 3) Date and place of birth 05.8.1943 Tai Thanh-Trien, Thanh-Huoi
- 4) Position : Police chief of Bang Lien District, Vinh Long Province
Rank (before 1975) Major Serial number
- 5) Month, date year arrested : 15th June 1975
- 6) Month, date year out of camp : February 13th 1988
- 7) Date and release certificate number 127 CRT February 13th 1988
- 8) Mailing address : Viên Lân 1745 Bloor East Mississauga, Ontario Canada L5G 1S6.
- 9) Present residing address : 23 Phố Xã Vĩnh Hòa Đông Bến Vĩnh Hòa Quận 4. Thành phố Hồ Chí Minh.

II list of full name, date, and place of birth of ex-political prisoner immediate family and Father and Mother

- a) relative to accompany with ex-political prisoner to be considered for US country

N	Fullname	Date of Birth	Place of birth	sex	Relationship	Address
1)	Trần Thị Trinh	20.11.1946	Thừa Thiên	female	Spouse	23 Phố Xã Vĩnh Hòa Quận 4
2)	Huỳnh Thị Ngọc Dung	29.3.1971	Saigon	"	daughter	Vĩnh Hòa Quận 4
3)	Huỳnh Thị Ngọc Hằng	29.3.1971	"	"	"	Bến Vĩnh Hòa Quận 4
4)	Huỳnh Trần Mỹ Dung	1.12.1972	"	"	"	Thị trấn Vĩnh Hòa Quận 4

- b) complete family listing (living/dead) of ex-political prisoner

	Name	Address
Father	Huỳnh Tử (dead)	
Mother	Trần Thị Huệ (living)	Thanh Trien, Phu Huan Huai City
Spouse	Trần Thị Trinh (living)	23 Phố Xã Vĩnh Hòa Bến Vĩnh Hòa Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
Children	Huỳnh Thị Ngọc Dung (living)	" " "
	Huỳnh Thị Ngọc Hằng (living)	" " "
	Huỳnh Trần Mỹ Dung (living)	" " "
	Huỳnh Dung (dead)	ϕ

Sibling : ϕ

III Relative outside Viet Nam

- a) closest relatives in US ϕ
- b) Relative in other country ϕ

} I have no relative in the US and in other country

II Oversea training paid by US Government ☐

II US awards and decorations; ☐

VI Have you submitted the application for family reunification until now.

The application : ☐

VII Comment : Rewards.

My family and I want to be resettled in the USA

VIII Please listing here all document attached to the questionnaire

- Giấy ra khỏi của Huỳnh Diên số' 127 GRT ngày 13.2.1988

- Sổ ghi điểm (Student Record Booklet) của Huỳnh Diên do Nhà

Tổng Giám Đốc Kế hoạch cho Công chức Thuộc Bộ Nội Vụ đi học Aus Vo tại Hoa Việt Mỹ

- Chứng minh thư (Lam giảo viets) của Trần Thị Trinh

- Bài báo Bình xin thuê mua nhà của Huỳnh Diên

- Trích lục hôn thú

- Trích lục khai sinh của 3 con

- 5 tấm ảnh của gia đình

Signature

NDVN

Huỳnh Diên

- Notes.

* Ngày 15.3.1988 tôi đã có gói hồ sơ cho ODP ở Thái Lan đi xin định cư tại Mỹ.

* Tên họ, cấp bậc, chức vụ và cấp chỉ huy trực tiếp với chúng tôi là Văn Nhò, Trung Tá, Chỉ huy trưởng Cảnh sát tỉnh Vĩnh Long.

* Ngày 13.10.1988 tôi đã nộp hồ sơ xin xuất cảnh sang Mỹ cho Công an Quân 4 thành phố Hồ Chí Minh, biên nhận số' 623/BN.

BỘ NỘI VỤ
HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHÍNH LƯU - QL 10
Ban hành theo công
nội vụ ngày 21
tháng 1 năm 1972

Số 127
10

00071514932

SS/LD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tin của Bộ Nội vụ ngày 13 tháng 2 năm 1988

Thời hành án: quyết định hành số 60 ngày 13 tháng 2 năm 1988

Của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: Huỳnh Diễm

Họ, tên thường gọi: _____

Họ, tên bị danh: _____

Sinh ngày 12 tháng 12 năm 1943

Nơi sinh: 23 Vĩnh hội bên vãn đồn Q4, TPHCM

Nơi công tác, pháp luật, thường trú: biểu tã, chỉ huy cảnh sát, vãng lữm

Cán bộ: _____

Bị bắt ngày 15-6-75 tại địa phương TTM

Theo quyết định của văn số ngày _____ tháng _____ năm _____

Đã bị giam 4 lần, cộng thành 12 năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại: 23 Vĩnh hội, bên vãn đồn Q4, TPHCM

Nhân xét của tình cải tạo:

- + Tư tưởng: chưa có biểu hiện gì xấu
 - + Lao động: tích cực bảo đảm ngày công và mức khoán
 - + Học tập: thực gia đều
 - + Hội qui của trại chưa có sai phạm gì lớn
- xếp loại cải tạo: khá

Chữ tay người trả lời
Của Huỳnh Diễm

Chữ ký số 4

Lập tại _____

Họ tên, chức vụ: Nguyễn Văn B ngày 13 tháng 2 năm 1988

THƯỞNG TÀI LƯU AN HÂN

TYPE OF EXAM:	DATE:	RESULT:
1		
2		
3		



SỔ GHI ĐIỂM
STUDENT RECORD BOOKLET

CHÚ Ý:

- Sổ Ghi Điểm này được cấp cho học viên khi ghi học lần đầu tiên tại Hội Việt Mỹ. Nếu làm mất phải đóng 50đ để được cấp quyển sổ khác.
- Muốn tiếp tục học tại Hội Việt Mỹ, học viên phải xuất trình sổ này để ghi học vào thời gian ghi tên mỗi đầu khóa mới.
- Xin xuất trình sổ này mỗi khi nhà trường hỏi đến.
- Cuối mỗi khóa học xin nộp sổ này cho Giáo-sư để được phê điểm.



VIET-NAM C

NHATON

Miss M. L. Huỳnh - Diên

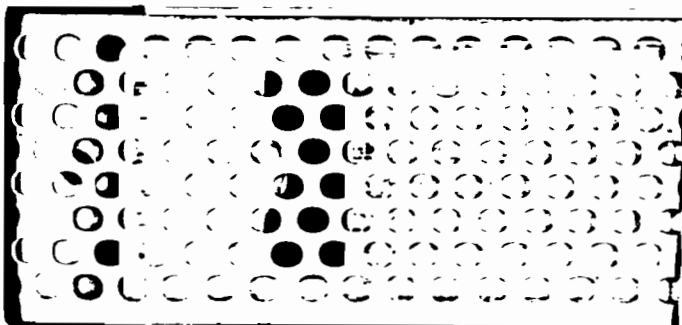
Ngày sinh: 05-05-1941 356 học bạ 41798

Date of birth: 05-05-1941 Student No

Địa chỉ: 6 Trại An-minh-Thé Saigon

Home address: BỘ NỘI VỤ

Đ. G. THON



SAI CONG HOA

CHUNG-MINH-THU

561250THCH

TRẦN-THỊ-TRINH

20-11-1946

274131

ngày 17-4-65

VIỆT-THU

HYATHEA

AN-HOANG

[illegible]

Đô-Thành SAIGON
Tòa Hành-Chánh Quận Nhì
Số-hiệu 3249/B

V I E T - N A M C O N G - H O A

H O - T I C H

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm Một nghìn chín trăm bảy mươi một (1971)

Tên họ của nhỏ

Phái

Ngày sinh

Nơi sinh

Tên, họ người cha

Tuổi

Nghề-nghiệp

Nơi cư-ngụ

Tên, họ người mẹ

Tuổi

Nghề-nghiệp

Nơi cư-ngụ

Vợ chính hay thứ

HUYNH-THỊ-NGOC-HẠNH

Nữ (sinh sau)

Hai mươi chín tháng ba, năm một
ngàn chín trăm bảy mươi một, 8g3

Saigon, 284 Công-Quynh

HUYNH - DIỄN

Hai mươi tám

Công-chức

Saigon, Đô-Thành-Nhân

TRẦN-THỊ-TRÌNH

Hai mươi lăm

Nội-trợ

Saigon, Đô-Thành-Nhân

Vợ chính

Tôi nói tên họ
người cha là HUYNH-DIỄN
SAIGON, 15-4-71
KT. Quận-trưởng Quận Nhì
DUONG-HUU-XUONG
(ấn, ký)

Lập tại SAIGON, ngày 3 tháng 4 năm 19

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHẤT

Saigon, ngày 9 tháng 4 năm 1971

KT. Quận-Trưởng Quận NHÌ

(DUONG-HUU-XUONG)

(Ấn, ký)

SAO Y NGUYEN-VAI

SAIGON, ngày 17 tháng 04 năm 1971

TL. Trưởng-Ty CSQG. Hải-Cảng SG.

Trưởng Phòng Quản-Trị,



PHẠM-VĂN-BÉ
Biên-Tập-Viên CSQG

Đô-Thành S A I G O N
Tòa Hành-Chánh Quận Nhì
Số-hiệu 3248/B

V I E T - N A M C O N G - H O A

H Ọ - T Ị C H

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH
Năm Một ngàn chín trăm Bảy mươi một (1971)

Tên, họ đứa nhỏ
Phải
Ngày sanh

Nơi sanh
Tên họ người cha
Tuổi
Nghề-nghiệp
Nơi cư-ngụ
Tên, họ người mẹ
Tuổi
Nghề-nghiệp
Nơi cư-ngụ
Vợ chánh hay vợ thứ

HUYNH-THỊ-NGOC-DUNG
Nữ (sanh trước)
Hai mươi chín tháng ba, năm
một ngàn chín trăm bảy mươi
một, 8g30.
Saigon, 284 Công-Quỳnh
HUYNH-DIEN
Hai mươi tám
Công-chức
Saigon, Đô-Thành-Nhân
TRAN-THỊ-TRINH
Hai mươi lăm
Nội-trợ
Saigon, Đô-Thành-Nhân
Vợ chánh

Tôi nói
tên cha đứa trẻ là
HUYNH-DIEN

Saigon, ngày 15-4-71
KT. Quận-Trưởng Quận Nhì
(DUONG-HUU-XUONG)
(Ấn-ký)

Lập tại SAIGON, ngày 3 tháng 4 năm 1971

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH

Saigon, ngày 9 tháng 4 năm 1971

KT. Quận-Trưởng Quận NHÌ

DUONG-HUU-XUONG
(Ấn-ký)

SAO Y NGUYEN VAN

SAIGON, ngày 17 tháng 04 năm 1971
TL. Trưởng-Ty QSQG. Hải-Cảng SAIGON
Trưởng Phòng Quản-Trị,



PHAM-VAN-BE
Biên-Tập-Viên C.S.Q.G

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Lam một ngàn chín trăm bảy mươi hai (1972)

Tên họ của anh	HUYEN TRAN MY DUNG
Phái	Nam
Nơi sinh	Nơi sinh: mười hai, năm một ngàn chia làm bảy mươi hai, hai mươi
Nơi sinh	Saigon, 234, Cong-Quay
Tên họ người Cha	HUYEN DIEN
Phái	Nam
Nơi sinh	Saigon
Nơi cư trú	Saigon, Cù Xa Vinh Hoi
Tên họ người mẹ	TRUONG THI THICH
Phái	Nam
Nơi sinh	Saigon
Nơi cư trú	Saigon, Cù Xa Vinh Hoi
Vợ chính thức	Vợ chính

Lam tại Saigon, ngày 06 tháng 12 năm 1972

TRÍCH-LỤC BỘ CHÁNH:

Saigon, ngày 13 tháng 12 năm 1972

T. L. QUAN-TRƯỞNG QUÂN XII,

1972